

DANH SÁCH CA THI, PHÒNG THI, SỐ BÁO DANH DỰ THI - VÒNG 2
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC QUẬN HOÀNG MAI - NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số...42.../TB-HĐTD ngày ...10/10/2024 của HĐTD viên chức quận Hoàng Mai)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT											
1	VC0041	Nguyễn Hữu Huân	16/6/1995	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Hoàng Liệt		GDTC (THCS và Tiểu học)
2	VC0046	Bùi Chí Thọ	28/5/2000	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		
3	VC0047	Đặng Phương Thơm	22/8/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Tân Mai		
4	VC0049	Nguyễn Văn Khánh Trường	05/10/1996	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		
5	VC1696	Đỗ Việt Anh	30/9/1997	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Yên Sở		
6	VC1697	Ngô Đức Anh	03/10/1996	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Hoàng Liệt		
7	VC1698	Nguyễn Quyền Anh	05/02/2000	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Linh Đàm		
8	VC1704	Nguyễn Sĩ Đại	11/7/1997	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Mai Động		
PHÒNG THI MÔN: HÓA											
1	VC0051	Bùi Ngọc Anh	07/6/1990	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
2	VC0053	Đình Hoàng Linh Chi	12/01/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
3	VC0054	Đồng Lan Chi	03/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
4	VC0056	Nguyễn Thị Xuân Giang	06/3/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
5	VC0059	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/01/1981	Nữ	ĐH, Ths	Công nghệ hóa học; Hóa hữu cơ + CCSP	GV	Hóa	THCS Đại Kim		
6	VC0064	Chữ Nguyễn Tuấn Hoàng	12/10/1999	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học (dạy bằng Tiếng Anh); LLPP dạy môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		
7	VC0068	Trần Diệu Huyền	22/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		
8	VC0069	Vũ Thị Khánh Huyền	23/10/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: SINH											
1	VC0178	Đỗ Minh Anh	02/5/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Lĩnh Nam		
2	VC0179	Vũ Thị Hoa Dừa	08/12/1993	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Sinh học; Động vật học	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		
3	VC0182	Nguyễn Thị Thu Hạnh	04/5/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
4	VC0183	Lê Phương Hoa	19/01/1990	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh - Hóa	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
5	VC0185	Triệu Thị Huế	26/7/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		
6	VC0186	Tạ Thị Hương	22/7/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học (dạy Sinh học bằng Tiếng Anh)	GV	Sinh	THCS Yên Sở		
7	VC0187	Trần Thùy Hương	29/6/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Sinh	THCS Yên Sở		
8	VC0189	Phan Trần Khánh Linh	07/02/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		
PHÒNG THI MÔN: TIẾNG ANH (THCS) SỐ 1											
1	VC0241	Lê Việt An	18/12/1998	Nam	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		
2	VC0243	Đàm Ngọc Anh	14/9/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		
3	VC0244	Lê Trang Anh	10/4/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		
4	VC0245	Nguyễn Hải Anh	14/7/1997	Nam	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		
5	VC0246	Nguyễn Mai Anh	28/6/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		
6	VC0247	Nguyễn Minh Anh	06/4/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		
7	VC0248	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	13/7/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		
8	VC0249	Nguyễn Phương Anh	10/11/1999	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: TIẾNG ANH (THCS) SỐ 2											
1	VC0251	Nguyễn Quỳnh Anh	27/10/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim	DTTS	
2	VC0252	Nguyễn Thị Mai Anh	14/7/1999	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		
3	VC0253	Phạm Châu Anh	15/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		
4	VC0254	Sư Thị Quỳnh Anh	15/10/1992	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		
5	VC0255	Tạ Minh Anh	31/3/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		
6	VC0256	Trần Thị Hoài Anh	01/10/1990	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		
7	VC0257	Vũ Nhật Anh	25/9/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		
8	VC0258	Hoàng Thị Ngọc Ánh	08/02/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		
PHÒNG THI MÔN: TIẾNG ANH (THCS) SỐ 3											
1	VC0259	Nguyễn Thị Ánh	15/5/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		
2	VC0260	Thiều Nguyễn Ngọc Ánh	13/9/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Mai		
3	VC0261	Cao Minh Châu	05/11/1997	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Mai Động		
4	VC0262	Uông Minh Châu	09/02/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Mai		
5	VC0263	Nguyễn Thị Phương Chi	15/12/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		
6	VC0266	Nguyễn Như Doanh	14/10/1978	Nam	ĐH	Tiếng Anh sư phạm	GV	Tiếng Anh	THCS Vĩnh Hưng	CBB	
7	VC0268	Nguyễn Ngọc Dung	20/4/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Định Công		
8	VC0269	Phạm Thị Dung	01/11/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: TOÁN SỐ 1											
1	VC0391	Lã Tuấn Anh	03/7/1993	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
2	VC0392	Lê Thị Mai Anh	11/9/1995	Nữ	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
3	VC0395	Nguyễn Duy Anh	20/9/2000	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
4	VC0396	Nguyễn Hà Anh	22/11/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
5	VC0397	Nguyễn Nam Anh	17/10/1995	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học: Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Đại Kim		
6	VC0400	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	22/3/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
7	VC0401	Nguyễn Thị Vân Anh	31/8/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
8	VC0403	Phạm Thị Phương Anh	19/3/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
PHÒNG THI MÔN: TOÁN SỐ 2											
1	VC0404	Phan Hà Anh	20/10/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học dạy bằng Tiếng Anh	GV	Toán	THCS Đại Kim		
2	VC0405	Phan Thị Kiều Anh	24/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
3	VC0410	Nguyễn Ngọc Ánh	04/02/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
4	VC0411	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/7/1994	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán; LLPP dạy học Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		
5	VC0412	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/8/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
6	VC0414	Doãn Thị Như Bình	10/02/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
7	VC0416	Nguyễn Xuân Ca	30/9/2000	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
8	VC0417	Lê Tuấn Cường	26/9/1993	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; LLPP dạy học bộ môn Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: TOÁN SỐ 3											
1	VC0418	Phạm Bá Đức Cường	14/01/2002	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
2	VC0422	Nguyễn Thị Linh Chi	12/5/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
3	VC0426	Nguyễn Bảo Chung	03/10/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
4	VC0429	Nguyễn Tiến Duật	29/11/1987	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
5	VC0430	Đỗ Thùy Dung	15/5/1999	Nữ	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Linh Đàm		
6	VC0431	Kim Thị Dung	07/9/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		
7	VC0434	Nguyễn Thanh Dung	22/5/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		
8	VC0435	Phan Thị Dung	28/6/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Lĩnh Nam		
PHÒNG THI MÔN: VĂN SỐ 1											
1	VC0722	Đào Nguyễn Việt Anh	02/9/1998	Nam	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
2	VC0725	Lê Minh Anh	20/9/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		
3	VC0726	Lưu Quỳnh Anh	16/4/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		
4	VC0728	Nông Thị Phương Anh	03/7/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim	DTTS	
5	VC0729	Nguyễn Hải Anh	29/7/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
6	VC0731	Nguyễn Thị Tuyết Anh	20/01/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
7	VC0732	Nguyễn Thị Vân Anh	27/8/1998	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
8	VC0737	Nguyễn Thị Bích	10/01/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: VĂN SỐ 2											
1	VC0738	Nguyễn Thị Minh Bích	20/9/1998	Nữ	Ths	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt	CTB	
2	VC0741	Đặng Khánh Chi	10/10/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
3	VC0744	Ngô Thùy Dung	24/5/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
4	VC0745	Chu Thị Duyên	13/11/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
5	VC0749	Nguyễn Thùy Dương	27/9/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Định		
6	VC0750	Doãn Thị Hoàng Giang	08/8/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
7	VC0752	Nguyễn Thị Thu Hà	17/8/1980	Nữ	CD, ĐH	CDSP Văn - Giáo dục công dân; Văn học	GV	Văn	THCS Yên Sở		
8	VC0753	Nguyễn Thu Hà	20/9/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học nước ngoài	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 1											
1	VC0878	Hà Kiều An	02/11/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		
2	VC0879	Hoàng Thúy An	17/4/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
3	VC0880	Trần Hiền An	05/3/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	VC0881	Trần Thúy An	04/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
5	VC0884	Đặng Hoàng Anh	01/01/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
6	VC0885	Đặng Vân Anh	22/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		
7	VC0888	Đỗ Lan Anh	27/4/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
8	VC0889	Đỗ Ngọc Anh	02/12/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 2											
1	VC0894	Hoàng Ngọc Anh	17/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
2	VC0895	Hoàng Thị Lan Anh	10/12/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
3	VC0896	Hoàng Thị Phương Anh	11/3/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	VC0897	Kiều Thị Lan Anh	15/02/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
5	VC0899	Lê Quỳnh Anh	24/7/1999	Nữ	ĐH	GDTH; Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
6	VC0903	Lương Ngọc Anh	24/12/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		
7	VC0911	Nguyễn Minh Anh	28/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
8	VC0912	Nguyễn Ngọc Anh	02/7/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 3											
1	VC0914	Nguyễn Nguyệt Thủy Anh	27/4/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
2	VC0916	Nguyễn Thảo Anh	18/4/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
3	VC0920	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
4	VC0922	Nguyễn Thị Phương Anh	15/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
5	VC0924	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13/02/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
6	VC0929	Phạm Ngọc Anh	03/9/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		
7	VC0931	Phạm Thị Lan Anh	22/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
8	VC0932	Phùng Lan Anh	22/7/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 4											
1	VC0933	Phùng Thị Mai Anh	23/02/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
2	VC0936	Trần Hồng Anh	23/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
3	VC0937	Trần Mỹ Anh	25/10/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		
4	VC0940	Vũ Hạnh Ngân Anh	02/6/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Mai		
5	VC0941	Vũ Minh Anh	15/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
6	VC0945	Lê Nguyệt Ánh	06/8/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
7	VC0946	Lê Thị Ánh	10/8/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
8	VC0948	Nguyễn Minh Ánh	07/8/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 5											
1	VC0949	Nguyễn Ngọc Ánh	20/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		
2	VC0951	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/01/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
3	VC0953	Phạm Thị Ngọc Ánh	14/6/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	VC0955	Quách Minh Ánh	17/7/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		
5	VC0956	Hoàng Ngọc Ân	18/7/1989	Nữ	Ths, ĐH	GDTH; Khoa học giáo dục	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
6	VC0957	Bùi Việt Bắc	31/12/1991	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		
7	VC0958	Lê Thị Bích	07/7/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		
8	VC0959	Nguyễn Thị Bích	09/3/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 6											
1	VC0960	Thiều Nguyễn Ngọc Bích	13/10/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
2	VC0961	Bùi Thanh Bình	12/02/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		
3	VC0962	Lê Hòa Bình	19/7/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	VC0963	Nguyễn Thị Thanh Bình	04/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công	CTB	
5	VC0964	Trần Thị Cấn	05/7/1987	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
6	VC0965	Hoàng Thị Cúc	12/3/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
7	VC0966	Nguyễn Hiền Cúc	16/9/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		
8	VC0967	Nguyễn Thị Kim Cúc	30/3/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 7											
1	VC0968	Phạm Bạch Cúc	27/12/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
2	VC0972	Bùi Minh Châu	14/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
3	VC0973	Nguyễn Minh Châu	10/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	VC0976	Dương Quỳnh Chi	05/9/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
5	VC0977	Đoàn Kim Chi	29/12/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
6	VC0978	Đỗ Thị Kim Chi	18/3/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
7	VC0979	Đỗ Yến Chi	20/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
8	VC0981	Phạm Linh Chi	07/6/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 8											
1	VC0982	Trần Thị Quỳnh Chi	20/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
2	VC0983	Nguyễn Tuyết Chinh	18/10/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Nam		
3	VC0984	Phạm Thị Hồng Chinh	28/9/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	VC0985	Đức Thị Chuyên	27/4/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
5	VC0986	Dương Thị Ngọc Diệp	31/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
6	VC0987	Lê Thị Ngọc Diệp	10/3/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
7	VC0988	Nguyễn Hồng Diệp	24/7/2000	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		
8	VC0990	Tạ Bích Diệp	24/5/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 9											
1	VC0993	Bùi Thị Thùy Dung	12/01/1989	Nữ	ĐH	GDTH; Quốc tế học - Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
2	VC0994	Kiều Thị Thùy Dung	22/01/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
3	VC0995	Kiều Thùy Dung	28/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	VC1001	Nguyễn Quốc Dũng	05/6/2001	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
5	VC1005	Đào Hà Ánh Dương	23/12/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
6	VC1006	Đào Vi Dương	06/03/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		
7	VC1007	Đặng Thị Thùy Dương	12/9/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
8	VC1009	Hoàng Thùy Dương	26/11/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: CƠ BẢN SỐ 10											
1	VC1010	Nguyễn Lê Thùy Dương	05/5/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
2	VC1012	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/8/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
3	VC1018	Bùi Nguyễn Điền	09/01/1988	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	VC1019	Đào Văn Điệp	20/10/1994	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
5	VC1021	Dương Thị Hương Giang	17/02/1988	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
6	VC1024	Ngô Hương Giang	12/11/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
7	VC1025	Ngô Ngân Giang	28/7/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		
8	VC1026	Nguyễn Bảo Giang	12/6/1999	Nữ	Ths, ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh; Giáo dục học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
PHÒNG THI MÔN: TIẾNG ANH (TH) SỐ 1											
1	VC1758	Nguyễn Thị Phúc An	01/8/1975	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		
2	VC1759	Bùi Thị Lan Anh	12/12/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		
3	VC1760	Lê Thị Lan Anh	08/6/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		
4	VC1761	Lương Thị Ngọc Anh	26/10/1986	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Trần Phú		
5	VC1762	Trần Thị Vân Anh	19/9/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		
6	VC1763	Trương Ngọc Ánh	15/11/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Vĩnh Hưng		
7	VC1764	Bạch Hải Âu	21/11/1983	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		
8	VC1765	Phạm Thị Bình	25/3/1999	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: TIẾNG ANH (TH) SỐ 2											
1	VC1766	Nguyễn Thị Công	27/01/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		
2	VC1767	Trần Thị Minh Châm	02/5/1984	Nữ	CĐ, ĐH	Sư phạm Tiếng anh; Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Mai		
3	VC1768	Nguyễn Thị Khánh Chi	14/11/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Mai		
4	VC1769	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	08/3/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		
5	VC1770	Đinh Thị Thùy Dung	01/8/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		
6	VC1771	Lê Thị Ngọc Dung	09/10/1988	Nữ	ĐH	Tiếng anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		
7	VC1772	Nguyễn Thị Kim Dung	10/01/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Nam		
8	VC1773	Nguyễn Thị Định	08/8/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		
PHÒNG THI MÔN: KẾ TOÁN											
1	VC1868	Nguyễn Thị Hồng Anh	26/4/1985	Nữ	ĐH	Kế toán; Ngôn ngữ Anh	NV	Kế toán	MN Tuổi Thơ		
2	VC1869	Nguyễn Thị Lan Anh	27/9/1991	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN Tân Mai		
3	VC1876	Nguyễn Thị Thu Hà	18/01/1997	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN Vĩnh Hưng		
4	VC1878	Nguyễn Mai Hương	29/7/2001	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN 10 - 10		
5	VC1881	Phạm Phương Linh	28/11/1990	Nữ	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	NV	Kế toán	MN Hoàng Liệt		
6	VC1883	Lê Thị Minh Nguyệt	16/01/1993	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN Đại Kim		
7	VC1887	Khúc Thị Huyền Trang	28/10/1986	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN Hoa Hồng		
8	VC1889	Đặng Thị Hải Yến	15/8/1987	Nữ	ĐH	Kế toán - kiểm toán	NV	Kế toán	MN Hoa Mai		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú
PHÒNG THI MÔN: MẦM NON SỐ 1											
1	VC1914	Đặng Thị Vân Anh	10/11/1981	Nữ	CD	Nhà trẻ mẫu giáo	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	CBB	
2	VC1915	Lã Thị Mai Anh	22/11/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
3	VC1917	Nguyễn Trịnh Phương Anh	15/7/1999	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
4	VC1918	Phạm Vân Anh	8/12/1999	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
5	VC1919	Phùng Thị Quỳnh Anh	17/10/1999	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
6	VC1920	Vũ Thị Lan Anh	04/10/1984	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
7	VC1921	Bùi Thị Lệ Ánh	28/11/1989	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		
8	VC1922	Lê Ngọc Ánh	01/5/2002	Nữ	CD	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
PHÒNG THI MÔN: MẦM NON SỐ 2											
1	VC1924	Nguyễn Thị Minh Ánh	12/10/2001	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
2	VC1925	Lê Thị Bình	21/4/1986	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
3	VC1928	Trần Thị Việt Chinh	02/10/1993	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
4	VC1932	Hoàng Thị Thùy Dung	20/8/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
5	VC1933	Lê Thị Thùy Dung	03/02/1985	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	CTB	
6	VC1937	Nguyễn Thanh Hà	10/6/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
7	VC1938	Phạm Thị Minh Hà	10/8/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		
8	VC1939	Phạm Thị Thu Hà	31/12/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		

Tổng danh sách Ca thi 1: 208 thí sinh/26 phòng thi.

SƠ ĐỒ PHÒNG THI - CA THI 1

Kỳ thi tuyển viên chức ngành giáo dục quận Hoàng Mai năm 2024

Địa điểm: Trường THCS Linh Đàm - Ô F6/TH1, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai

	WC	P 305 Phòng thi GDTC	P 304 Phòng thi Sinh	P 303 Phòng thi Hóa	Tầng 3	P 302 Phòng Chuẩn bị: Hóa + Sinh + GDTC	P 301 Phòng Chờ: Hóa + Sinh + GDTC
	WC	P 205 Phòng thi Kế toán	P 204 Phòng thi Mầm non số 2	P 203 Phòng thi Mầm non số 1	Tầng 2	P 202 Phòng Chuẩn bị: Mầm non + Kế toán	P 201 Phòng Chờ: Mầm non + Kế toán
P Y TẾ	WC	P 105 Phòng thi Tiếng Anh THCS số 3	P 104 Phòng thi Tiếng Anh THCS số 2	P 103 Phòng thi Tiếng Anh THCS số 1	Tầng 1	P 102 Phòng Chuẩn bị: Tiếng Anh THCS	P 101 Phòng Chờ: Tiếng Anh THCS

Nhà C - phòng
làm việc của
HĐTD

SÂN
TRƯỜNG

NHÀ A

NHÀ B

CÔNG VÀO

P 406 Phòng thi Tiếng Anh TH số 2	P 407 Phòng thi Tiếng Anh TH số 1	/	WC	P 408 Phòng Chuẩn bị: Tiếng Anh TH	P 409 Phòng Chờ: Tiếng Anh TH	Tầng 4	P 410 Phòng thi Văn số 1	P 411 Phòng thi Văn số 2
P 306 Phòng thi Cơ bản số 10	P 307 Phòng thi Toán số 3	/	WC	P 308 Phòng thi Toán số 2	P 309 Phòng thi Toán số 1	Tầng 3	P 310 Phòng Chuẩn bị: Toán + Văn	P 311 Phòng Chờ: Toán + Văn
P 206 Phòng thi Cơ bản số 9	P 207 Phòng thi Cơ bản số 8	/	WC	P 208 Phòng thi Cơ bản số 7	P 209 Phòng thi Cơ bản số 6	Tầng 2	P 210 Phòng thi Cơ bản số 5	P 211 Phòng thi Cơ bản số 4
P 106 Phòng thi Cơ bản số 3	P 107 Phòng thi Cơ bản số 2	/	WC	P 108 Phòng thi Cơ bản số 1	P 109 Phòng Chuẩn bị: Cơ bản từ số 1 đến 10	Tầng 1	P 110 Phòng chờ: Cơ bản từ số 6 đến 10	P 111 Phòng chờ: Cơ bản từ số 1 đến 5

KHU VỰC ĐỂ XE